TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2025/HC-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2025
V/v "Khiếu kiện hành vi không giải quyết khiếu nại, hành vi cưỡng chế thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 252/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc "*Khiếu kiện hành vi không giải quyết khiếu nại; hành vi cưỡng chế thu hồi đất*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2024/HC-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1342/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã A, tỉnh Khánh Hòa), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đạo Văn M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Bích T – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N (nay là tỉnh Khánh Hòa), có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, Khánh Hòa)

Người đại diện theo uỷ quyền có: Ông Lê Sỹ T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND xã A: Ông Nguyễn Trung T2 – Chuyên viên Phòng Kinh tế, có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K).

Người đại diện theo ủy quyền có: Ông Trần Hòa N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch UBND tỉnh K: Bà Đinh Thị Hồng H1 – Chuyên viên chính C thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hoà, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975, có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn X, vắng mặt;

3.3. Bà Chìu Thị Thu H2, vắng mặt;

3.4. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, vắng mặt;

3.5. Ông Dương T3, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã A, tỉnh Khánh Hòa).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P là người khởi kiện và bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 29/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện N (viết tắt UBND huyện N) đã ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND thu hồi diện tích 89.017,7m^2 của hộ ông Nguyễn Văn P và ban hành Quyết định số: 1099/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn P.

Tuy nhiên, diện tích đất thực tế của ông P là 20.000m^2, phần diện tích còn lại ông P đã tặng cho, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3, bà Chìu Thị Thu H2 và ông Nguyễn Văn X theo các giấy tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3, bà Chìu Thị Thu H2

và ông Nguyễn Văn X đã làm đơn tranh chấp, UBND xã H đã tổ chức hòa giải, tại buổi hòa giải các ông, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, Dương T3, Chìu Thị Thu H2 và Nguyễn Văn X chứng minh quyền sử dụng đất và cung cấp giấy tờ tặng cho, mua bán cho hội đồng hòa giải, trong biên bản hòa giải đã ghi nhận nội dung ông P và bà N1, ông T3, bà H2, ông X đã thống nhất việc sử dụng đất theo giấy tặng cho, chuyển nhượng và đồng ý UBND huyện N quy chủ cho người sử dụng đất theo thực tế. Tại địa bàn xã H, UBND huyện N công nhận việc mua bán, tặng cho và quy chủ sử dụng đất theo thực tế sử dụng phù hợp quy định mục 8 Công văn số 53-CV/Đ ĐHĐND ngày 31/10/2019 Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân đã thống nhất kiến nghị của UBND tỉnh N đối với việc áp dụng Luật Đất đai năm 2013 căn cứ khoản 1 Điều 101 để lập thủ tục bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng trước ngày 01/7/2014, kể cả trường hợp nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Ninh Thuận, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, diện tích không vượt quá hạn mức giao đất, UBND xã xác nhận đất không có tranh chấp. Căn cứ Công văn số 53 và Biên bản giải quyết tranh chấp tại UBND xã H thì ông P và bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3, bà Chìu Thị Thu H2 và ông Nguyễn Văn X đã thoả thuận được về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp, UBND huyện N đủ căn cứ quy chủ sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3, bà Chìu Thị Thu H2 và ông Nguyễn Văn X. Tuy nhiên, UBND huyện N vẫn ban hành quyết định thu hồi đất cho ông P đối với diện tích 89.017,7m^2 đồng thời UBND huyện N ép ông P nhận tiền bồi thường, nhưng ông P chưa nhận tiền bồi thường.

Sau khi ông P nhận được Quyết định số: 1053/QĐ-UBND và Quyết định số: 1099/QĐ-UBND cùng ngày 29/5/2024, ông P đã nhiều lần làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện N nhưng Chủ tịch UBND huyện N không thụ lý giải quyết khiếu nại. Căn cứ Điều 11 Luật Khiếu nại, các quyết định trên là quyết định cá biệt, quyết định ban hành không đúng diện tích sử dụng, không đúng chủ thể sử dụng đất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của ông P, không thuộc trường hợp không thụ lý giải quyết, giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định là vi phạm điều cấm của Luật Khiếu nại.

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số: 124/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ông P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N. Đến nay đã quá thời hạn thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông, Chủ tịch UBND tỉnh N vẫn không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Do đó, ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc UBND huyện N và UBND tỉnh N thực hiện trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền; hủy Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020; Hủy Quyết định số: 1099/QĐ- UBND ngày 29/5/2029; Hủy Quyết định số: 1231/QĐ-UBND ngày 23/6/2021; Yêu cầu UBND huyện N bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Nguyễn Văn P, bồi thường thiệt hại danh dự và tổn thất về mặt tinh thần cho gia đình ông P.

Ngày 13/02/2023, ông P khởi kiện bổ sung với nội dung: Sáng ngày 27/6/2022, trong lúc gia đình hoàn toàn bất ngờ, ông Nguyễn Đức H3 kéo lực lượng rất đông Công an, cán bộ xã, huyện cố ý mặc thường phục, không đeo bảng tên, số hiệu kéo vào vùng đất của gia đình ông P, hủy hoại tài sản của gia đình ông. Lực lượng vào hủy hoại tài sản này đã dùng vũ lực bắt giữ trái pháp luật người quen của ông P, người đại diện theo ủy quyền và luật sư giúp đỡ về mặt pháp lý cho ông P, dùng vũ lực chiếm đoạt điện thoại và tiền của người quen của ông. Đến ngày 18/8/2022, ông Nguyễn Đức H3 một lần nữa đưa lực lượng vào hủy hoại gần 7ha mì gần thu hoạch của gia đình ông, sau đó ông Nguyễn Đức H3 yêu cầu ông và luật sư đến trụ sở UBND xã H để nhận thông báo cưỡng chế. Tại UBND xã, ông Nguyễn Trung T2 đánh máy biên bản giao thông báo lần 2. Ông P thắc mắc sao đưa lần đầu mà ghi lần 2. Ông T2 và ông Nguyễn Đức H3 nói nếu không ký thì không cho xem thông báo cưỡng chế. Trong biên bản giao nhận ông ghi rõ là nhận lần 1 nhưng ghi nhận lần 2. Ông Nguyễn Trung T2 đưa ông P Thông báo số: 198/TB-BTHCCTHĐ ký ngày 23/6/2022 kèm theo biên bản tống đạt thông báo hồi 16 giờ 15 phút ngày 24/6/2022. Không có người nhận chỉ có bên giao là ông Ngô H4 và người chứng kiến là ông Phan Văn T4 (cán bộ thôn). Ông T4 nói với ông P là xã biểu nên ông ký. Lời nói của ông T4 phù hợp với ngày ký quyết định, ngày ký thông báo vì: Quyết định cưỡng chế ông T4 giao cho ông P vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 23/6/2022. UBND huyện N chưa có căn cứ người sử dụng đất nhận quyết định cưỡng chế, chưa vận động người sử dụng đất di dời tài sản thì chưa thể ban hành Thông báo cưỡng chế số 198/TB-BTHCCTHĐ ngày 23/6/2022. Như vậy có căn cứ chứng minh UBND huyện N đã làm hồ sơ tài liệu giả để hủy hoại tài sản công dân, đó là Thông báo số 198/TB-BTHCCTHĐ để bao che cho hành vi hủy hoại tài sản vào ngày 18/8/2022. UBND xã H có dấu hiệu làm giả Biên bản tống đạt thông báo lần 1 ngày 24/6/2022, theo quy định của pháp luật thời gian này chưa đủ điều kiện để ban hành thông báo cưỡng chế.

Ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu giải quyết: Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N là trái pháp luật; Yêu cầu UBND huyện N bồi thường tài sản trên đất bị hủy hoại là 7ha hoa màu trị giá 600 triệu đồng và tài sản cố định trên đất, giá trị do cơ quan tài chính tỉnh N quyết định; Yêu cầu UBND huyện N bồi thường thiệt hại danh dự và tổn thấy về mặt tinh thần cho gia đình ông P.

Tại Biên bản đối thoại ngày 21/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông P thay đổi các yêu cầu khởi kiện. Ông P khởi kiện Hành vi không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất số 1053/QĐ-UBND và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1099/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N; Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh N thụ lý giải quyết đơn khiếu nại quyết định thu hồi, khiếu nại Quyết định bồi thường đất của UBND huyện N; Khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện N, ông Nguyễn Đức H3. Yêu cầu Tòa án tuyên bố hành

vi cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N, chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật.

Các chứng cứ chứng minh việc ông Nguyễn Văn P nộp đơn khiếu nại Chủ tịch UBND huyện N nhưng UBND huyện N không thụ lý giải quyết khiếu nại chỉ trả lời bằng các công văn bao gồm: Công văn số: 2705 ngày 05/11/2020 (Bút lục 16); Công văn số 116 ngày 22/6/2021; Công văn số 57 ngày 28/02/2022. Chứng cứ chứng minh việc ông Nguyễn Văn P nộp đơn khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh N nhưng UBND tỉnh N không thụ lý giải quyết khiếu nại: Phiếu nộp đơn bưu điện ngày 16/7/2022 mã EA62678164 VN (Bút lục số 17).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N có ông Nguyễn Đức H3 trình bày:

Thực hiện dự án Hồ C, hạng mục Lòng Hồ tại xã H, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 thu hồi diện tích 89.017,7m^2 của hộ ông Nguyễn Văn P. Cùng ngày 29/5/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1099/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn P với tổng số tiền 2.336.391.685 đồng. Trong đó: Bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề diện tích 20.000m^2 đất trồng cây hàng năm, số tiền: 952.000.000 đồng; Hỗ trợ diện tích 36.164,4m^2 do vượt hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, số tiền: 506.301.600 đồng; Hỗ trợ diện tích 32.853m^2 đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh, số tiền: 164.265.000 đồng; Bồi thường vật kiến trúc, cây trồng 700.315.085 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống: 13.500.000 đồng.

Không đồng ý việc quy chủ sử dụng đất bị thu hồi, bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 89.017,4m^2 thuộc các thửa đất số 1,7,8,15,16 tờ bản đồ số 47 cho hộ ông P, ông P đã làm đơn ngày 24/8/2020 và đơn ngày 16/6/2021 để khiếu nại hai quyết định trên. Lý do ông P khiếu nại, ông P cho rằng trong tổng diện tích 89.017,4m^2 đất thu hồi theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, ông P chỉ sử dụng 20.000m^2, còn lại diện tích 69.017,4m^2 hộ ông P đã thực hiện việc tặng cho, chuyển nhượng cho bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 và ông Dương T3 vào khoảng năm 2013 - 2014 (trước khi có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ C). Do đó, ông P đề nghị UBND huyện N quy chủ thu hồi và thực hiện bồi thường, hỗ trợ diện tích 69.017,4m^2 cho các hộ bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3.

Ngày 23/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1231/QĐ-UBND để điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn P theo chính sách của UBND tỉnh về áp dụng bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh, thực hiện Thông báo số 339/TB-VPUB ngày 21/12/2020 của văn phòng UBND tỉnh và Công văn số 830/UBND-TCDNC ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh với tổng số tiền là 3.259.231.850 đồng.

Không đồng ý việc quy chủ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 89.017,7m^2 thuộc các thửa đất số 1,7,8,15,16 tờ bản đồ số 47 cho hộ ông P theo Quyết định số: 1231/QĐ-UBND, ông P đã làm đơn ngày 07/10/2021.

Sau khi tiếp nhận 3 đơn ngày 24/8/202, ngày 16/6/202 và ngày 07/10/2021, Thanh tra huyện đã tiến hành kiểm tra, rà soát đối chiếu với quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, kết quả như sau: Tại khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011: Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Khoản 1 điều 7 Luật khiếu nại 2011 quy định: Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hàn hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Như vậy, ông P có quyền khiếu nại đối với các quyết định thu hồi đất số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020, Quyết định số: 1099/QĐ-UBND, Quyết định số: 1231/QĐ-UBND nếu có căn cứ cho rằng các quyết định này xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên, trên thực tế, các đơn nêu trên có nội dung không xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích của hộ ông P. Đồng thời, tại Công văn số: 63/TTT-NV1 ngày 21/01/2022 của Thanh tra tỉnh có nội dung: Trong quá trình thụ lý giải quyết khi tiến hành làm việc với người khiếu nại để xác minh nội dung yêu cầu khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu cần xác định, nội dung yêu cầu nào của người khiếu nại liên quan đến Quyết định số: 1099/QĐ-UBND mà xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại thì thụ lý giải quyết theo Luật khiếu nại.

Do vậy các đơn ngày 24/8/2020, ngày 16/6/2021 và ngày 07/10/2021 của ông P được xác định là đơn kiến nghị, nên không đủ điều kiện được thụ lý giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại. Nội dung trên đã được UBND huyện N trả lời tại các Văn bản số: 2705/UBND-TTH ngày 05/11/2020, số 118/UBND-TTH ngày 30/6/2021 và Văn bản số 57/UBND-TTH ngày 28/02/2022.

Từ các cơ sở nêu trên, việc ông Nguyễn Văn P khởi kiện hành vi không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại Quyết định thu hồi đất số: 1053/QĐ-UBND và Quyết định bồi thường hỗ trợ số: 1009/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND huyện N là không có cơ sở.

Về nội dung khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện và ông Nguyễn Đức H3: Việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ

cho hộ ông Nguyễn Văn P được Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã H tiến hành thông báo chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho ông P 3 lần (cụ thể: Thông báo số 447/TBTTPTQĐ ngày 23/6/2021, Thông báo số 509/TBTTPTQĐ ngày 01/7/2021 và Thông báo số 536/TBTTPTQĐ ngày 12/7/2021). Tuy nhiên qua 3 lần thông báo chi trả tiền bồi thường hỗ trợ, hộ ông Nguyễn Văn P vẫn không đồng ý nhận tiền, không đồng ý bàn giao mặt bằng theo quy định.

Trung tâm phát triển quỹ đất đã phối hợp UBND xã H và các ban nghành địa phương tổ chức tuyên truyền vận động, giải thích cho ông P về chủ trương, cơ chế chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên hộ ông P vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định.

Căn cứ Điều 71 Luật Đất đai, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1495/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông P với diện tích thu hồi là 89.017,4m^2. Cùng ngày 22/6/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1497/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất thuộc dự án Hồ C, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Ông Nguyễn Đức H3 là Trưởng Ban cưỡng chế. Ngày 23/6/2022, B thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã ban hành Quyết định số: 1522/QĐ-BTHCCTHĐ về việc thành lập các Tổ công tác thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất dự án Hồ C, xã H; Đồng thời ban hành thông báo số: 198/TH-NTHCCTHĐ ngày 23/6/2022 về việc thực hiện dự án Hồ C. Trong đó yêu cầu hộ ông P di dời toàn bộ tài sản ra khỏi diện tích đất bị cưỡng chế trước 7 giờ 30 phút ngày 27/6/2022. Sau 7 giờ 30 phút ngày 27/6/2022, Ban cưỡng chế tổ chức thi hành Quyết định số: 1495/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

Do đó, việc ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện N, UBND huyện N và ông Nguyễn Đức H3 là trái quy định của pháp luật là không có cơ sở.

Tại Văn bản ngày 30/4/2024 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N có ý kiến:

Sau khi tiếp nhận 3 đơn ghi ngày 24/8/2020, 16/6/2021 và 07/10/2021 của ông Nguyễn Văn P, Chủ tịch UBND huyện N đã trả lời cụ thể cho ông P tại các Công văn số: 2705/UBND-TTH ngày 05/11/2020, Công văn số: 118/UBND-TTH ngày 30/6/2021 và Công văn số 57/UBND-TTH ngày 28/02/2022.

Ngày 16/7/2022, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh N để khiếu nại Quyết định số: 1053/QĐ-UBND và Quyết định số: 1099/QĐ-UBND cùng ngày 29/5/2020, Quyết định số: 1231/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện N.

Ngày 17/8/2022, Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở T5, UBND huyện N và UBND xã H kiểm tra, rà soát vụ việc và nội dung đơn ghi ngày 16/7/2022 của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D gửi UBND tỉnh; trong đó mặc dù tiêu đề đơn là "đơn khiếu nại" nhưng về nội dung, bản chất sự việc là phản ánh và kiến nghị UBND huyện N quy chủ và bồi thường, hỗ trợ diện tích 69.017,4m^2 cho các hộ: Bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3(vì hộ ông P đã tặng cho, chuyển nhượng cho 4 hộ trên) nên không đủ điều kiện để được thụ lý và giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan. Vụ việc đã được UBND huyện N rà soát, giải quyết, trả lời tại các Công văn số: 2705/UBND-TTH ngày 05/11/2020, Công văn số 118/UBND-TTH ngày 30/6/2021 và Công văn số: 57/UBND-TTH ngay 28/02/2022 là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022, UBND tỉnh N đã ban hành Công văn số 4412/UBND-TCDNC thông tin kết quả giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh N không thụ lý giải quyết đơn ghi ngày 16/7/2022 khiếu nại Quyết định số 1053/QĐ-UBND và Quyết định số 1099/QĐ-UBND cùng ngày 29/5/2020, Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện N là đúng pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn P khởi kiện về hành vi không thụ lý, giải quyết đơn ghi ngày 16/7/2022 khiếu nại Quyết định số: 1053/QĐ-UBND và Quyết định số: 1099/QĐ-UBND cùng ngày 29/5/2020, Quyết định số: 1231/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện N là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D là vợ của ông Nguyễn văn P, bà D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P vì quyền sử dụng đất bị thu hồi như ông P đã trình bày là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà không nhớ đã tặng cho, chuyển nhượng cho các hộ bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3 diện tích đất bao nhiêu. Khi Nhà nước thu hồi đất, ông Nguyễn Văn P ký các giấy tờ hồ sơ thu hồi, bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3 có bà Trần Thị Bích T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các đương sự bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3 đề nghị không đưa các đương sự tham gia tố tụng với tư

cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông P khởi kiện hành vi hành chính.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2024/HC-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật khiếu nại 2011; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số: 124/2020/NĐ- CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T6 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Khởi kiện Hành vi không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đối với Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 29/5/2020.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện N, Chủ tịch UBND tỉnh N thụ lý giải quyết đơn khiếu nại quyết định thu hồi, quyết định bồi thường đất của UBND huyện N.

- Khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N, ông Nguyễn Đức H3. Yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N là trái pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/12/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc UBND huyện N, UBND tỉnh N thụ lý giải quyết khiếu nại của ông P theo quy định của pháp luật; xác định hành vi cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N là trái pháp luật, buộc UBND huyện N bồi thường thiệt hại ho ông P.

Ngày 27/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đ văn M là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P trình bày ý kiến: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc xác định quan hệ pháp luật và xem xét giải quyết vụ án không toàn diện khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông P nên đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P trình bày: Ông Nguyễn Văn P khởi kiện hành vi không thực hiện nhiệm vụ công vụ của Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh N không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P về thu hồi đất và bồi thường khi thu hồi đất là vi phạm pháp luật đồng thời ông P còn khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

Đối với khiếu nại của ông P: Xét thấy Quyết định thu hồi đất số 1053 và Quyết định số 1099 về bồi thường khi thu hồi đất là quyết định hành chính đã tác động trực tiếp đến ông P, các quyết định hành chính này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông P. Ông P khiếu nại nhưng UBND huyện N không ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P là không đúng quy định của pháp luật. Đồng thời tại Điều 6 Luật khiếu nại có quy định điều cấm là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại không được ban hành văn bản. Tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện N lại ban hành văn bản là vi phạm điều cấm của Luật giải quyết khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện N không giải quyết khiếu nại là vi phạm Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Điều 124 Luật khiếu nại ông P đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N nhưng không được Chủ tịch UBND tỉnh N thụ lý giải quyết khiếu nại là trái quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế trái pháp luật: Ngày 22/6/2023 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1495 về việc cưỡng chế; đến 16h45 (buổi chiều thứ 5) ngày 23/6/2022 giao quyết định cưỡng chế. Trong hồ sơ không thể hiện việc bà D và ông P có ký nhận quyết định cưỡng chế. Nhưng đến ngày thứ 2 ngày 27/6/2022 thì UBND huyện N đã thực hiện cưỡng chế mà bỏ qua giai đoạn lập biên bản vận động theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 là không đúng quy định của pháp luật.

Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ UBND huyện N có niêm yết quyết định cưỡng chế hay không; Chủ tịch UBND huyện N có tiến hành lập biên bản vận động trước khi tiến hành cưỡng chế không? nếu có thì biên bản vận động được thực hiện vào ngày nào? Trong khi pháp luật quy định sau khi ban hành quyết định cưỡng chế thì phải lập biên bản vận động. Do đó, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Diệu giữ nguyên kháng cáo và thống nhất với ý kiến của ông P và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P. Bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sai.

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã A có ý kiến: Đơn khiếu nại của ông P thực ra là đơn kiến nghị yêu cầu quy chủ về quyền sử dụng đất cho các hộ khác. Do đó theo khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại không thụ lý giải quyết; đối với khiếu kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất: Do ông P không chấp hành quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định cưỡng chế. Trình tự thủ tục cưỡng chế là đúng quy định và có lập biên bản vận động ít nhất 03 lần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND xã A có ý kiến: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh K có ý kiến: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy, bản án hành chính sơ thẩm xem xét giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P là chưa đủ căn cứ. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu L trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Văn P khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N không thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc giải quyết khiếu nại của ông P là trái pháp luật và yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ngày 27/6/2022 là trái pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, người bị kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P về hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P:

Người khởi kiện ông P khai rằng UBND huyện N đã ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 thu hồi diện tích 89.017,4m^2 của hộ ông Nguyễn Văn P để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hồ C, hạng mục Lòng Hồ tại xã H, huyện N. Cùng ngày 29/5/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1099/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn P để giải phóng mặt bằng Thực hiện dự án Hồ C, hạng mục Lòng Hồ tại xã H, huyện N, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 2.336.381.685 đồng.

Ông P không đồng ý việc quy chủ thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho ông toàn bộ diện tích 89.017,4m^2 thuộc các thửa đất số 1,7,8,15,16 tờ bản đồ số 47 nên ông P đã làm đơn ngày 24/8/2020 và đơn ngày 16/6/2021 để khiếu nại hai quyết định trên, vì trong tổng diện tích 89.017,4m^2 đất bị thu hồi theo Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 thì ông P chỉ sử dụng 20.000m^2, còn lại diện tích 69.017,4m^2 ông P đã thực hiện việc tặng cho, chuyển nhượng cho bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 và ông Dương T3 vào khoảng năm 2013 - 2014 (trước khi có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ C). Ông P đề nghị UBND huyện N quy chủ thu hồi và thực hiện bồi thường, hỗ trợ diện tích 69.017,4m^2 cho các hộ bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, ông Dương T3.

Ngày 23/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1231/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn P để giải phóng mặt bằng Thực hiện dự án Hồ C, hạng mục Lòng Hồ tại xã H, huyện N, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 3.259.231.850 đồng.

Ngày 07/10/2021, ông Nguyễn Văn P tiếp tục khiếu nại và khai rằng Quyết định thu hồi đất số: 1053/QĐ-UBND và Quyết định số: 1099/QĐ-UBND, Quyết định số: 1231/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho ông P khi thu hồi đất là quyết định hành chính trực tiếp tác động đến ông P, các quyết định này có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông P. Ông P nhiều lần làm đơn khiếu nại do Quyết định ban hành không đúng diện tích sử dụng, không đúng chủ sử dụng đất, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P, nhưng UBND huyện N không ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P là không đúng quy định của pháp luật. Sau đó, ông P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N nhưng Chủ tịch UBND tỉnh N vẫn không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P là trái quy định của pháp luật.

Phía người bị kiện xác định vào ngày 24/8/2020 và ngày 16/6/2021 ông P có khiếu nại Quyết định thu hồi đất số: 1053 và Quyết định số: 1099 về bồi thường, hỗ trợ cho ông P. Ông P khiếu nại đề nghị quy chủ đối với phần đất bị thu hồi và bồi thường cho bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 và ông Dương T3 đối với diện tích 69.017,4m^2 đất. Đến ngày 23/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1231/QĐ-UBND để điều chỉnh bồi thường hỗ trợ cho ông P. Nhưng đến ngày 07/10/2021 ông P tiếp tục làm đơn khiếu nại. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra rà soát xét các đơn của ông P, thấy rằng các đơn của ông P đề ngày 24/8/2020, ngày 16/6/2021 và ngày 07/10/2021 là đơn kiến nghị nên không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại là đúng quy định. Do đó UBND huyện N trả lời tại các Văn bản số: 2705/UBND-TTH ngày 05/11/2020; Văn bản số 118/UBND-TTH ngày 30/6/2021 và Văn bản số 57/UBND-TTH ngày 28/02/2022 với nội dung: Không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại. Ngày 16/7/2022, ông P tiếp tụckhiếu nại đến UBND tỉnh N và Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Công văn số: 4412 ngày 11/10/2022 thông tin kết quả giải quyết đơn của ông P, thông báo không thụ lý giải quyết đơn của ông P do không đủ điều kiện thụ lý và giải quyết theo Luật khiếu nại là có căn cứ.

Xét thấy tại khoản 9 Điều 2 Luật khiếu nại quy định:*"Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật"* và tại khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại quy định các khiếu nại không được giải quyết đó là*: Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại* ".

Theo đơn khiếu nại của ông P thì cho rằng Quyết định thu hồi đất số: 1053/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và các Quyết định số: 1099/QĐ-UBND, Quyết định số: 1231/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho ông P đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P cụ thể là ông đã thực hiện tặng cho, chuyển nhượng 69.017,4m^2 , ông P chỉ sử dụng diện tích 20.000m^2 đất. Nên ông yêu cầu xác định lại chủ sử dụng đất cho bà Chìu Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 và ông Dương T3 với diện tích 69.017,4m^2 . Còn người bị kiện thì cho rằng mặc dù ông P khi nội dung đơn khiếu nại nhưng thực chất là kiến nghị về việc quy chủ người sử dụng đất bị thu hồi, bồi thường nên không đủ điều kiện thụ lý và giải quyết theo Luật khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm không thu thập chứng cứ lấy lời khai, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại của ông P trong các đơn đề ngày 24/8/2020, ngày 16/6/2021, ngày 07/10/2021 và ngày 16/7/2022 có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông P hay không nên chưa đủ căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông P đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh N không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 27/6/2022 trái pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông P khai vào ngày 22/6/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1495/QĐ-UBND; đến 16h45 ngày 23/6/2022 (chiều thứ 5) giao quyết định cưỡng chế nhưng đến sáng thứ hai ngày 27/6/2022 đã tiến hành cưỡng chế san bằng toàn bộ phần đất của ông P và di dời toàn bộ tài sản của ông P ra khỏi đất nhưng UBND huyện N đã bỏ qua giai đoạn vận động theo Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông P.

Còn người bị kiện cho rằng do ông P không chấp hành việc giao đất theo quyết định thu hồi. Do đó, ngày 22/6/2022 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1495/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông P với diện tích 89.017,4m^2 đất là đúng quy định. Ngày 23/6/2022, B thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã ban hành Quyết định số: 1522/QĐ-BTHCCTHĐ về việc thành lập các Tổ công tác thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Cùng ngày 23/6/2022, Ban thực hiện cưỡng chế đã ban hành Thông báo số: 198/TH-NTHCCTHĐ về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Ban Q đã lập Biên bản bàn giao Thông báo này nhưng ông P không nhận thông báo và không ký biên bản. Sau đó, UBND xã H đã niêm yết Thông báo số: 198/TH-NTHCCTHĐ ngày 23/6/2022 tại trụ sở UBND xã. Sau 7 giờ 30 phút ngày 27/6/2022, Ban cưỡng chế đã tổ chức thi hành Quyết định số: 1495/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất và lập Biên bản diễn biến quá trình cưỡng chế thực hiện Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 20/5/2022 UBND huyện N có lập biên bản đối thoại với ông Nguyễn Văn P (BL số 174). Đến ngày 22/6/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số: 1495/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế; ngày 23/6/2022 thành lập Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Quyết định số:1522/QĐ-BTHCCTHĐ; Thông báo số: 198/TB-BTHCCTHĐ ngày 23/6/2022 về việc thực hiện cưỡng chế (BL 190); biên bản tống đạt quyết định cưỡng chế ngày 23/6/2022 (BL 191); Thông báo số 72/TB-UBND ngày 23/6/2022 của UBND xã H về việc niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thu hồi đất, thời gian niêm yết từ ngày 23/6/2022 đến ngày 29/7/2022 (BL 192); Thông báo số: 74/TB-UBND ngày 24/6/2022 của UBND xã H về việc niêm yết công khai Thông báo thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, thời gian niêm yết từ ngày 24/6/2022 (BL 193); Biên bản tống đạt thông báo cưỡng chế (BL 194); biên bản diễn biến quá trình cưỡng chế (BL 197).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã A cho rằng trước khi thực hiện cưỡng chế đã làm công tác vận động đối với hộ ông P ít nhất 03 lần còn người đại diện theo ủy quyền của ông P kiện khẳng định Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất không có lập biên bản vận động theo đúng quy định về quy trình thực hiện cưỡng chế. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập

chứng cứ làm rõ nội dung này nên chưa đủ căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông P.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu G nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xác minh giải quyết lại vụ án; ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn P đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Do đó, hủy Bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P và Nguyễn Thị D số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D;

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2024/HC-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà). Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị D số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo các biên

lai thu số 0005857, 0005858 ngày 15/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)